TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. bà Nguyễn Thị Liên;

2. bà Nguyễn Thị Hương.

Thư ký phiên tòa*:* ông Đỗ Ngọc Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: bà Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn S, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Phan Thị Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn S, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Vũ Văn T trình bày: anh và chị Phan Thị Th tự nguyện tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 2006, đến ngày 24/7/2007 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi chửi nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phan Thị Th.

Về con chung*:* Anh T khai, vợ chồng có ba con chung, các cháu tên là Vũ Huy H1, sinh ngày 03/12/2007, cháu Vũ Hà M, sinh ngày 18/9/2011 và cháu Vũ Nhật H2, sinh ngày 05/5/2016. Anh T đề nghị đề nghị để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu H1, M, H2, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng mỗi cháu là 2.000.000 đồng, ba cháu là 6.000.000 đồng/1 tháng, cho đến khi các cháu H1, M, H2 đủ 18 tuổi, hiện tại anh đang làm nghề lái xe, thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai đề ngày 05/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Phan Thị Th trình bày: Chị và anh Vũ Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, đến ngày 24/7/2007 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, nguyên nhân anh T xin ly hôn là do anh T có quan hệ ngoại tình, chị Th đã khuyên can nhiều lần và cho anh T nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh T vẫn không hề thay đổi. Nay anh T đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn chị Th không đồng ý.

Về con chung*:* Chị Th khai, vợ chồng có ba con chung, các cháu tên là Vũ Huy H1, sinh ngày 03/12/2007, cháu Vũ Hà M, sinh ngày 18/9/2011 và cháu Vũ Nhật H2, sinh ngày 05/5/2016. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu H1, M, H2, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng mỗi cháu là 2.000.000 đồng, ba cháu là 6.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu H1, M, H2 đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Phan Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T và giao các cháu H1, M, H2 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng mỗi cháu là 2.000.000 đồng, ba cháu là 6.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu H1, M, H2 đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phan Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét

xử vắng mặt anh T và chị Th là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Phan Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và nghi kỵ nhau. Theo biên bản xác minh ngày 04/4/2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, quá trình chung sống giữa anh T và chị Th có xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương và gia đình đã hòa giải nhiều lần. Như vậy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị Th và anh T luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột, chứng tỏ đời sống chungvợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Th là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh T và chị Th thừa nhận, vợ chồng có ba con chung, các cháu tên là Vũ Huy H1, sinh ngày 03/12/2007, cháu Vũ Hà M, sinh ngày 18/9/2011 và cháu Vũ Nhật H2, sinh ngày 05/5/2016. Anh T đề nghị để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu H1, M, H2. Do cháu H còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, cháu H1 và cháu M cũng có nguyện vọng được ở với chị Th, chị Th cũng có nguyện vọng được nuôi cả ba cháu. Để tránh xáo trộn về tâm lý cũng như nơi ở và việc học tập của các cháu,giao cả ba cháu H1, M, H2 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Tú phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng mỗi cháu là 2.000.000 đồng, ba cháu là 6.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu H1, M, H2 đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Anh T và chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Phan Thị Th.

2. Về con chung: Công nhận các cháu Vũ Huy H1, sinh ngày 03/12/2007, cháu Vũ Hà M, sinh ngày 18/9/2011 và cháu Vũ Nhật H2, sinh ngày 05/52016 là con chung của anh T và chị Th. Giao cả ba cháu H1, M, H2 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng mỗi

cháu là 2.000.000 đồng, ba cháu là 6.000.000 đồng/1 tháng, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi các cháu H1, M, H2 đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Th.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004280 ngày 29/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, anh T còn phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương